

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 60/DVCI-KHKT ngày 02 tháng 06 năm 2023 của Trung tâm Dịch vụ công ích thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVI và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục kiểm soát ô nhiễm môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Trung tâm Dịch vụ công ích, địa chỉ tại số 87-89 đường Phan Đình Phùng, phường 1, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVI có địa chỉ tại xã Xuân Hải và xã Xuân Hoà, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVI.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Xuân Hải và Xuân Hoà, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 36241000010 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Phú Yên cấp, chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 08 năm 2007; Thông báo mã số thuế do Cục thuế tỉnh Phú Yên cấp ngày 07 tháng 10 năm 2009.

1.4. Mã số thuế: 4400726724.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành được phép thu hút đầu tư (phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam), bao gồm:

TT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất chế biến thực phẩm	C10
2	Sản xuất đồ uống không cồn	C11042
3	Sản xuất hàng dệt khác (không bao gồm công đoạn nhuộm)	C139
4	Sản xuất trang phục (không bao gồm thuộc, sơ chế, nhuộm da)	C14

TT	Ngành nghề	Mã ngành
5	Sản phẩm từ plastic	C222
6	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không bao gồm sản xuất bột giấy)	C17
7	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tẻ bện.	C16
8	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C31
9	Sản xuất hoá chất và sản phẩm của hoá chất	C20
10	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu (không bao gồm sản xuất xi măng; sản xuất thạch cao; cắt tạo dáng và hoàn thiện đá)	C239 (trừ mã C23941, C23943, C2396)
11	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33
12	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C262
13	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	C264
14	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	C2420

#### 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích: 105,8 ha.

#### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

#### Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Dịch vụ công ích:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Trung tâm Dịch vụ công ích có trách nhiệm:
  - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
  - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách

nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày ..... tháng ..... năm 2023 đến ngày ..... tháng ..... năm 2030).

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 27/GP-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVI được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Phú Yên (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Trung tâm Dịch vụ công ích;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSONMT, HL (15).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Văn phòng nhà điều hành.
- Nguồn số 02: Nhà bảo vệ.
- Nguồn số 03: Nhà điều hành trạm xử lý nước thải tập trung (TXLNTTT).

1.2. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất:

- Nguồn số 04: Sân phơi bùn.
- Nguồn số 05: Các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVI (KCN).
- Nguồn số 06: Các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVII (thu gom, chuyển giao nước thải từ Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVII sang KCN để xử lý).

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Vùng biển ven bờ phía Đông của KCN.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Xã Xuân Hải, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1503666; Y = 581176 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°30', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 400 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được dẫn qua bể quan trắc tự động, sau đó tự chảy theo đường ống kín dẫn ra vùng biển ven bờ phía Đông của KCN.
- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B,  $K_q = 1,3$  và  $K_f = 1,1$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục		
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt		
2	pH	-	5,5 – 9				
3	COD	mg/l	214,5				
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	143				
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	14,3				
6	Màu	Pt/Co	150	03 tháng/lần	Chưa lắp đặt		
7	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	71,5				
8	Asen (As)	mg/l	0,143				
9	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0143				
10	Chì (Pb)	mg/l	0,715				
11	Cadimi	mg/l	0,143				
12	Crom (VI)	mg/l	0,143				
13	Crom (III)	mg/l	1,43				
14	Đồng	mg/l	2,86				
15	Kẽm	mg/l	4,29				
16	Niken	mg/l	0,715				
17	Mangan	mg/l	1,43				
18	Sắt	mg/l	7,15				
19	Tổng xianua	mg/l	0,143				
20	Tổng phenol	mg/l	0,715				
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	14,3				
22	Sunfua	mg/l	0,715				
23	Florua	mg/l	14,3				
24	Clo dư	mg/l	2,86				
25	Tổng nitơ	mg/l	57,2				
26	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	8,58				
27	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5.000			03 tháng/lần	Không yêu cầu
28	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,143				
29	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,43				
30	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,143				
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	1,43				
32	Tổng PCB	mg/l	0,0143				

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về TXLNNTT:

- Nguồn số 01, 02, 03: Được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sau đó thu gom bằng đường ống riêng về TXLNNTT để xử lý.

- Nguồn số 04: Được thu gom bằng đường ống riêng về TXLNNTT để xử lý.

- Nguồn số 05: Được xử lý sơ bộ tại các cơ sở thứ cấp để đạt tiêu chuẩn đầu nối nước thải của TXLNNTT sau đó thu gom bằng đường ống và bơm về TXLNNTT để xử lý.

- Nguồn số 06: Được xử lý sơ bộ tại các cơ sở thứ cấp thuộc Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVII để đạt tiêu chuẩn đầu nối nước thải của TXLNNTT, sau đó thu gom bằng đường ống về một (01) hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVII và bơm về TXLNNTT để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. *Bể tự hoại (03 bể):*

- Vị trí: 03 bể tương ứng với nguồn số 01, 02, 03 có dung tích thiết kế 4,5 m<sup>3</sup>/bể.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Ngăn lắng → TXLNNTT.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. *Trạm xử lý nước thải tập trung:*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Giò tách rác → Bể gom → Thiết bị tách rác tinh → Ngăn tách dầu → Bể điều hoà → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể SBR → Bể khử trùng → Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục → vùng biển ven bờ phía Đông của KCN.

- Công suất thiết kế: 400 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Chlorine, PAC, NaOH, HCl, Polymer (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí: Sau bể khử trùng.

- Thông số đã lắp đặt: Lưu lượng (đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: 01 bộ.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu chưa được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:



#### 1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã có 01 bể ứng phó sự cố có thể tích 161 m<sup>3</sup>, đảm bảo lưu chứa nước thải trong trường hợp TXLNNTTT gặp sự cố.

#### 1.4.2. Quy trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép: đóng cửa xả nước thải và dùng xả nước thải sau xử lý ra môi trường. Nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép được bơm về bể sự cố trước khi bơm về TXLNNTTT để xử lý lại.

- Trường hợp TXLNNTTT gặp sự cố không thể vận hành: nước thải đầu vào được bơm về bể sự cố để lưu chứa. Sau khi đã khắc phục xong sự cố, nước thải từ bể sự cố được bơm về TXLNNTTT để xử lý.

- Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận của TXLNNTTT: nước thải được dẫn về lưu chứa tại bể sự cố. Điều chỉnh giảm lưu lượng nước thải vào TXLNNTTT là 30%, lượng nước còn lại dẫn về bể sự cố. Điều hướng, dẫn nước thải sau xử lý về bể sự cố cho đến khi nước thải đạt giới hạn tiếp nhận đầu vào để tiếp tục xử lý, bảo đảm không gây sốc tải cho TXLNNTTT.

- Trường hợp nước thải từ các cơ sở thứ cấp vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của TXLNNTTT, thực hiện thu gom đưa về bể sự cố. Tiến hành kiểm tra chất lượng nước thải tại cơ sở thứ cấp, các trạm bơm chuyên bậc, hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVII, khoanh vùng và xác định đơn vị thứ cấp xảy ra sự cố. Yêu cầu giảm lưu lượng xả thải hoặc ngưng xả thải và phải khắc phục sự cố trước xả thải trở lại. Sau đó, nước thải tại bể sự cố được bơm về hố thu nước thải để xử lý.

- Ban hành quy chế bảo vệ môi trường KCN, tiêu chuẩn đầu nổi nước thải về TXLNNTTT, yêu cầu các cơ sở thứ cấp của KCN và Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVII xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nổi trước khi xả vào TXLNNTTT.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành TXLNNTTT, ứng phó sự cố.

- Định kỳ duy tu, bảo trì thiết bị, máy móc của TXLNNTTT.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

#### 1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của cơ sở thứ cấp vào TXLNNTTT:

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5 - 9
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	78
5	COD	mg/l	234
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	156
7	Asen	mg/l	0,156
8	Thủy ngân	mg/l	0,0156
9	Chì	mg/l	0,78

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào
10	Cadimi	mg/l	0,156
11	Crom (VI)	mg/l	0,156
12	Crom (III)	mg/l	1,56
13	Đồng	mg/l	3,12
14	Kẽm	mg/l	4,68
15	Niken	mg/l	0,78
16	Mangan	mg/l	1,56
17	Sắt	mg/l	7,8
18	Tổng xianua	mg/l	0,156
19	Tổng phenol	mg/l	0,78
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	15,6
21	Sunfua	mg/l	0,78
22	Florua	mg/l	15,6
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	15,6
24	Tổng nitơ	mg/l	62,4
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	9,36
26	Clorua	mg/l	1.560
27	Clo dư	mg/l	3,12
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	1,0
30	Tổng PCB	mg/l	0,01
31	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải bảo đảm đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom nước thải và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải bố trí hố ga lắng cặn, tách váng dầu của nước mưa trước khi xả vào môi trường tiếp nhận.

3.2. Hoàn thành việc thu gom toàn bộ nước thải từ các cơ sở thứ cấp của KCN về TXLNTTT để xử lý trước ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát



sinh từ KCN và Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVII bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không còn các cơ sở thứ cấp tự xử lý nước thải và thải trực tiếp ra môi trường.

3.3. Việc chuyên giao nước thải từ Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVII về TXLNTTT để xử lý phải đáp ứng yêu cầu tại khoản 4 điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên là chủ đầu tư của Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVII phải có phương án chuyên giao nước thải để xử lý và được nêu rõ tại báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường; có hợp đồng chuyên giao nước thải với Trung tâm Dịch vụ công ích để xử lý bảo đảm các yêu cầu theo quy định đối với việc vận chuyển nước thải; thường xuyên kiểm tra, giám sát hồ ga thu gom, chứa nước thải tạm thời bảo đảm chống tràn, đổ, rò rỉ ra môi trường xung quanh. Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên có trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVII; thường xuyên kiểm soát chất lượng nước sau xử lý sơ bộ tại các cơ sở thứ cấp thuộc Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVII; kịp thời thông báo các sự cố môi trường và phối hợp với Trung tâm Dịch vụ công ích để tổ chức hoạt động ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

- Trung tâm Dịch vụ công ích khi tiếp nhận nước thải từ Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu KVII để xử lý phải đáp ứng các yêu cầu sau: có phương án tiếp nhận nước thải để xử lý; hệ thống xử lý nước thải có công nghệ, công suất phù hợp để xử lý nước thải tiếp nhận; phải có van, đồng hồ đo lưu lượng và được thể hiện đầy đủ trong phương án chuyên giao nước thải để xử lý.

- Yêu cầu đối với việc vận chuyển nước thải: Đường ống chuyên giao nước thải phải được thiết kế, lắp đặt đảm bảo các quy định kỹ thuật, không rò rỉ ra môi trường xung quanh, phải có van, đồng hồ đo lưu lượng và được thể hiện đầy đủ trong phương án chuyên giao nước thải để xử lý.

3.4. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành TXLNTTT phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hoá chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Trung tâm Dịch vụ công ích được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.6. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên để được kiểm tra, xác nhận việc kết nối truyền, nhận dữ liệu quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo đúng quy định của pháp luật.

3.7. Trung tâm Dịch vụ công ích chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy thổi khí của TXLNNTT.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt bơm tại bể gom.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108°30', múi chiều 3°

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1503569; Y = 580963.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1503607; Y = 580965.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	1.500
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30
4	Bao bì mềm đựng hóa chất	18 01 01	20
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	10
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra môi trường là CTNH) thải	18 01 03	10
7	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	20
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	10
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>1.610</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (trừ chất thải được tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất (kí hiệu là TT-R)):

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực văn phòng	20
2	Rác phát sinh từ quá trình xử lý nước thải	1.000
3	Bùn, cát nạo vét từ hố ga thu gom nước mưa	2.000
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>3.020</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 1,0 tấn/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Đã trang bị các thùng có nắp đậy, dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo theo quy định.
- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích thiết kế 14 m<sup>2</sup>. Kho có mái che, tường bao quanh, nền bê tông; có rãnh, hố ga thu gom, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải phải kiểm soát (bùn thải):**

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì.
- 01 sân phơi bùn có diện tích thiết kế 240 m<sup>2</sup>. Sân phơi bùn có nền bê tông, có hệ thống thu gom nước thải phát sinh từ quá trình phơi đưa về TXLNTTT để xử lý.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng đựng có nắp đậy.
- Thùng đựng được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Các nội dung, hạng mục công trình và yêu cầu bảo vệ môi trường tiếp tục triển khai thực hiện theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1930/QĐ-BTNMT ngày 11 tháng 12 năm 2003. Cụ thể như sau:

1. Xây dựng bổ sung 01 mô đun xử lý nước thải tại TXLNTTT có công suất thiết kế 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Quy trình công nghệ như sau: Nước thải → Giỏ tách rác → Bể gom → Thiết bị tách rác tinh → Ngăn tách dầu → Bể điều hoà → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể SBR → Bể khử trùng → Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục → vùng biển ven bờ phía Đông của KCN.

- Nước thải sau xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B với  $K_q = 1,3$  và  $K_f = 1,1$ ).

2. Xây dựng và lắp đặt bổ sung hồ sự cố đảm bảo phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của KCN.

3. Thực hiện chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, cải tạo, nâng cấp TXLNTTT của KCN.

4. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, Trung tâm dịch vụ công ích có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài Nguyên và Môi trường để được xem xét cấp lại giấy phép môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.



2. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhập các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Ban hành và nghiêm túc thực hiện quy chế về bảo vệ môi trường của KCN theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.